

| BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO  |            |                 |        | ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ B19KDN                    |                            |   |     |   |     |   |   |   |               |     |               |     |  |
|------------------------|------------|-----------------|--------|-----------------------------------------------------|----------------------------|---|-----|---|-----|---|---|---|---------------|-----|---------------|-----|--|
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN |            |                 |        | TÊN HỌC PHẦN: QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG & SẢN XUẤT ĐỢT HỌC |                            |   |     |   |     |   |   |   |               |     |               | 6   |  |
|                        |            |                 |        | MÃ HỌC PHẦN : MGO301                                |                            |   |     |   |     |   |   |   |               |     |               | 3   |  |
| Ngày thi: 22/03/2015   |            |                 |        | TÍNH CHỈ LẦN THI                                    |                            |   |     |   |     |   |   |   |               |     |               | 2   |  |
| ST<br>T                | MSV        | Họ và tên       |        | Lớp                                                 | ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%) |   |     |   |     |   |   |   | ĐIỂM TỔNG KẾT |     | Ghi chú       |     |  |
|                        |            |                 |        |                                                     | A                          | P | Q   | H | L   | M | I | G | F             | SỐ  |               | CHỮ |  |
|                        |            |                 |        |                                                     | 10                         |   | 10  |   | 25  |   |   |   | 55            | 100 |               |     |  |
| 1                      | 1926262917 | Nguyễn Lê Tịnh  | Đoan   | B19KDN                                              | 9                          |   | 8   |   | 7.5 |   |   |   | 7             | 7.4 | Bảy phẩy Bốn  |     |  |
| 2                      | 1926262914 | Trần Thị Thùy   | Dung   | B19KDN                                              | 10                         |   | 7   |   | 7   |   |   |   | 6.5           | 7.0 | Bảy           |     |  |
| 3                      | 1926262920 | Lê Thị Ngọc     | Hà     | B19KDN                                              | 10                         |   | 8.5 |   | 7.5 |   |   |   | 6             | 7.0 | Bảy           |     |  |
| 4                      | 1926262925 | Trần Nguyễn Anh | Khoa   | B19KDN                                              | 9                          |   | 7   |   | 0   |   |   |   | V             | 0.0 | Không         |     |  |
| 5                      | 1926262933 | Nguyễn Kiều Mỹ  | Linh   | B19KDN                                              | 8                          |   | 7.5 |   | 7   |   |   |   | 6             | 6.6 | Sáu phẩy Sáu  |     |  |
| 6                      | 1926262941 | Lê Thị Tuệ      | Nhân   | B19KDN                                              | 0                          |   | 0   |   | 0   |   |   |   | LP            | 0.0 | Không         | HP  |  |
| 7                      | 1926262943 | Đinh Thị        | Nường  | B19KDN                                              | 9                          |   | 8   |   | 7.5 |   |   |   | 5             | 6.3 | Sáu phẩy Ba   |     |  |
| 8                      | 1926262945 | Thái Thị Uyên   | Phương | B19KDN                                              | 8                          |   | 8   |   | 7   |   |   |   | 6.5           | 6.9 | Sáu phẩy Chín |     |  |
| 9                      | 1926262950 | Đới Phương      | Thanh  | B19KDN                                              | 8                          |   | 8   |   | 7.5 |   |   |   | 7             | 7.3 | Bảy phẩy Ba   |     |  |
| 10                     | 1927262961 | Trần Văn        | Tướng  | B19KDN                                              | 8                          |   | 8   |   | 7   |   |   |   | 5.5           | 6.4 | Sáu phẩy Bốn  |     |  |
| 11                     | 1926262963 | Nguyễn Thị Thúy | Vi     | B19KDN                                              | 9                          |   | 8   |   | 6.5 |   |   |   | 6             | 6.6 | Sáu phẩy Sáu  |     |  |
| 12                     | 1926262970 | Hoàng Thị       | Xuyên  | B19KDN                                              | 8                          |   | 7   |   | 6.5 |   |   |   | 6.5           | 6.7 | Sáu phẩy Bảy  |     |  |

| BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU |                   |    |       |         |
|-----------------------|-------------------|----|-------|---------|
| STT                   | NỘI DUNG THỐNG KÊ | SL | TỶ LỆ | GHI CHÚ |
| 1                     | Số sinh viên đạt  | 10 | 83%   |         |
| 2                     | Số sinh viên nợ   | 2  | 17%   |         |
| TỔNG CỘNG :           |                   | 12 | 100%  |         |

LẬP BẢNG

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Hồ Hà Đông

ThS. Nguyễn Ân

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 04 năm 2015

KIỂM TRA TT ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN & B2 PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH